

KẾT QUẢ KINH DOANH

Ngày	10,000 VNĐ		
31/12/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-2.0%	-8.3%	-

DT thuần	2024	YoY
1,600		▲ 41.0
tỷ VNĐ		▲ 2.6%

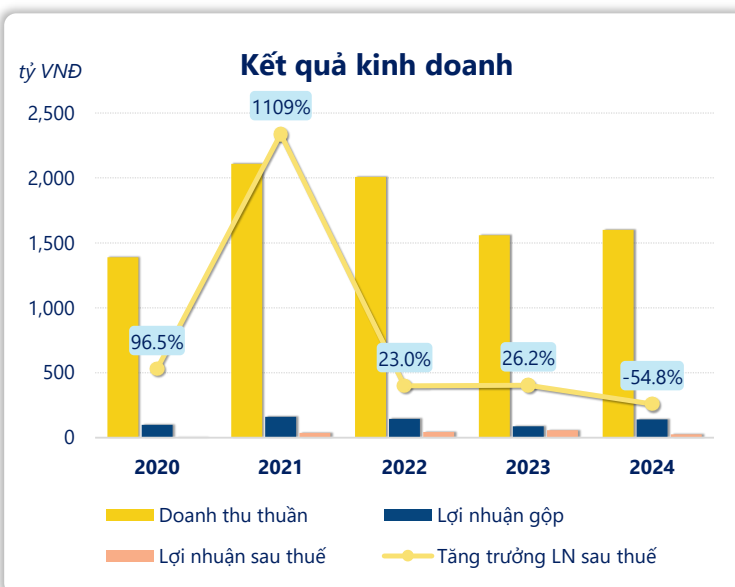
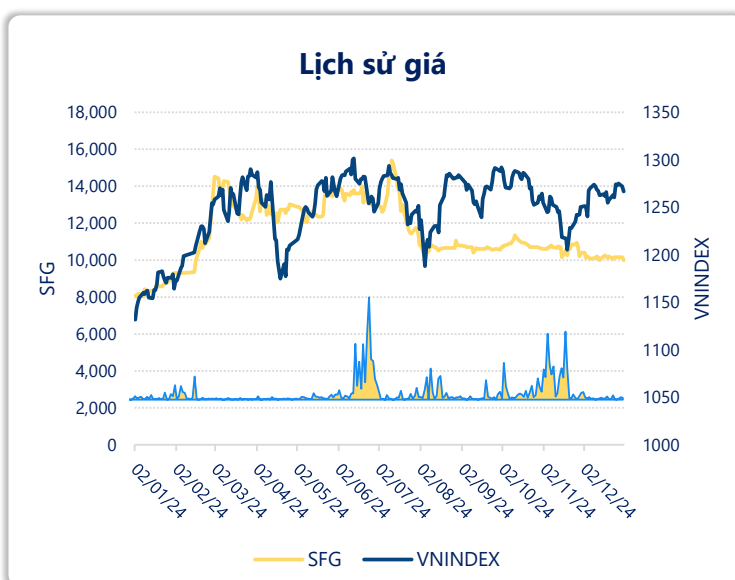
LN gộp	2024	YoY
140		▲ 52.1
tỷ VNĐ		▲ 58.7%

LN thuần	2024	YoY
26.0		▼ 23.3
tỷ VNĐ		▼ 47.2%

LN sau thuế	2024	YoY
25.7		▼ 31.1
tỷ VNĐ		▼ 54.8%

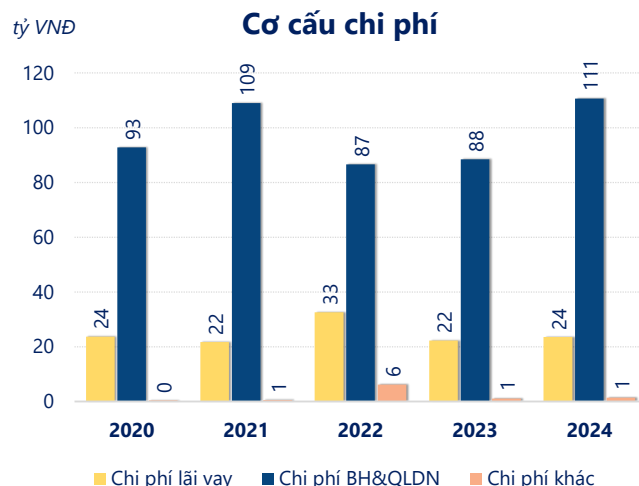
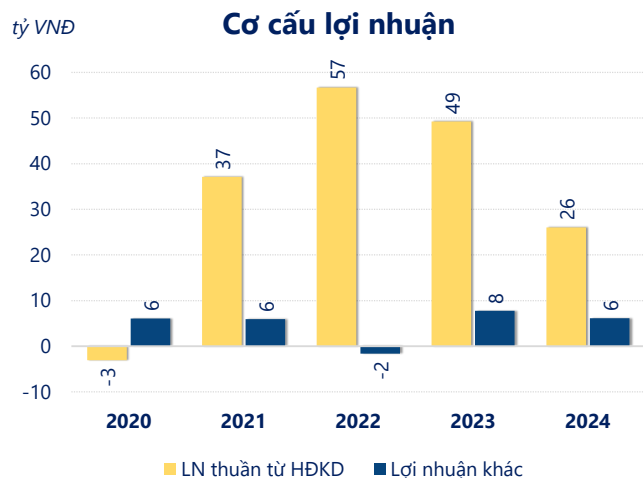
ROE	2024	+/- YoY
3.9%		▼ 5.0%

ROA	2024	+/- YoY
2.0%		▼ 2.9%



Kết quả kinh doanh **SFG** năm **2024**, doanh thu thuần đạt **1,600** tỷ đồng **tăng 2.64%**, lợi nhuận sau thuế **giảm mạnh 54.8%** chỉ còn **25.68** tỷ đồng.

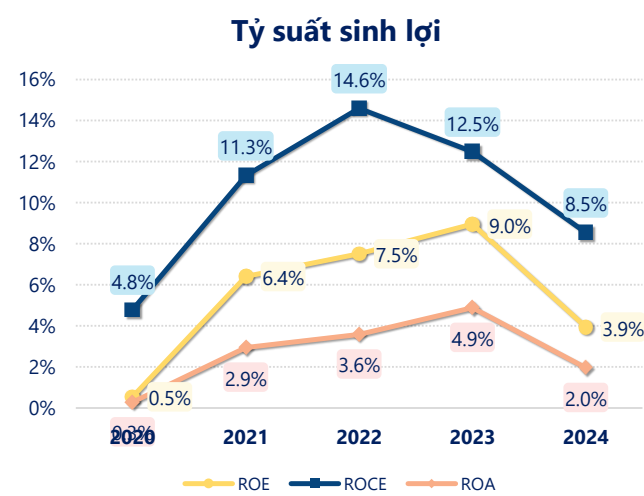
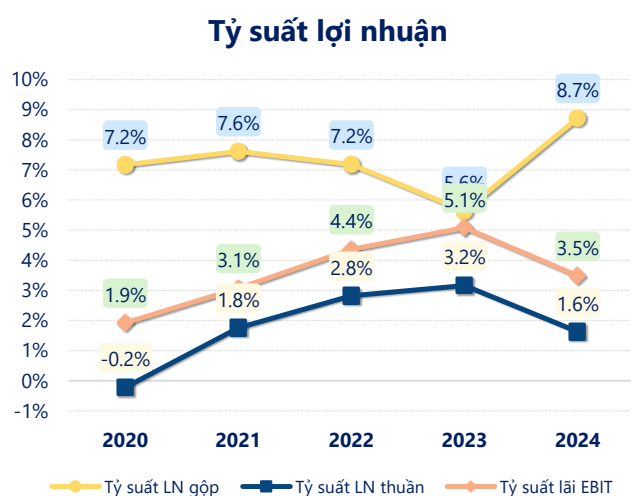
Kết quả kinh doanh chưa được cải thiện, với sự sụt giảm của lợi nhuận sau thuế. Với **ROE** bằng **3.94%** cho thấy công ty cần cải thiện hiệu quả hoạt động và quản lý tài chính hiệu quả.



Năm **2024**, **SFG** có **lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** đạt **26.03** tỷ đồng, **giảm đi 23.22** tỷ so với năm trước. Và thấp hơn mức bình quân lợi nhuận thuần 5 năm (33.19 tỷ đồng) là 7.16 tỷ đồng. Cho thấy xu hướng không tích cực từ hoạt động kinh doanh, cần điều chỉnh chiến lược để hoạt động kinh doanh phục hồi.

Chi phí lãi vay tăng lên so với năm trước, ở mức **23.55** tỷ đồng. Cùng với đó **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp** cũng **tăng lên**, ở mức **110.7** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **1.37** tỷ đồng, **tăng lên** so với năm trước.

ROE của SFG năm 2024 **giảm** so với năm trước còn **3.94%**, **thấp hơn mức bình quân** trong vòng 5 năm gần đây.



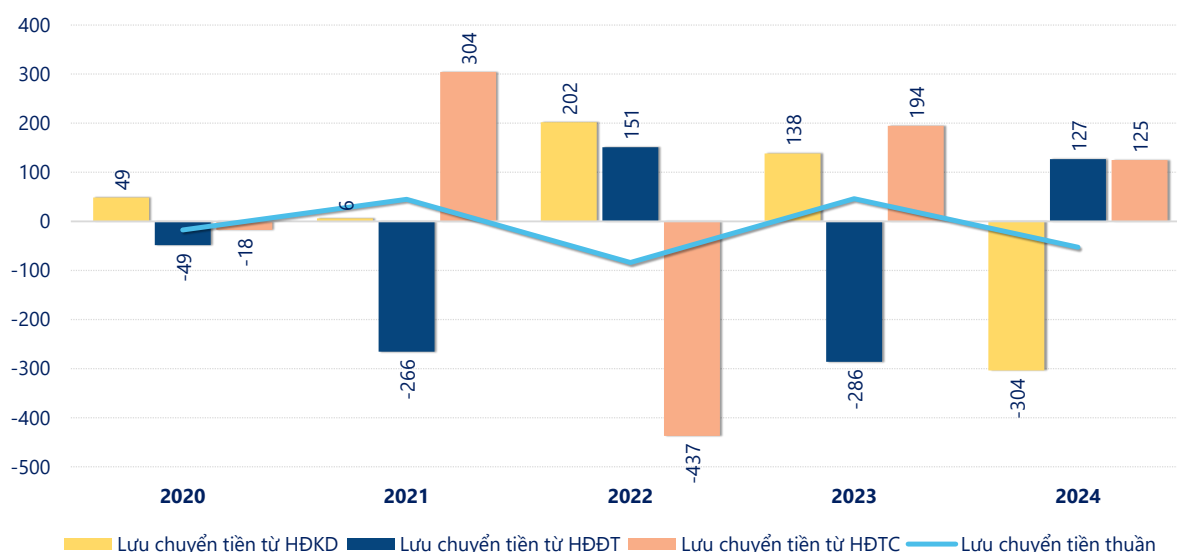
KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)

	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	1,388	2,110	2,009	1,559	1,600
Giá vốn hàng bán	1,289	1,949	1,864	1,471	1,461
Lợi nhuận gộp	99.5	161	144	87.9	140
Doanh thu HĐTC	17.9	10.3	36.0	82.8	26.8
Chi phí TC	27.7	25.0	36.8	33.0	29.7
Chi phí lãi vay	23.7	21.8	32.5	22.2	23.5
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	54.5	72.7	50.2	47.8	61.5
Chi phí QLDN	38.3	36.2	36.5	40.6	49.2
LN thuần từ HĐKD	-3.06	37.1	56.6	49.3	26.0
Lợi nhuận khác	6.09	5.95	-1.61	7.73	6.10
LN trước thuế	3.03	43.0	55.0	57.0	32.1
Lợi nhuận sau thuế	3.03	36.6	45.0	56.8	25.7
LNST của CĐ cty mẹ	3.03	36.6	45.0	56.8	25.7

tỷ VNĐ

Lưu chuyển tiền



Lưu chuyển tiền thuần năm 2024 của SFG bằng **-52.47** tỷ đồng, **giảm** so với năm 2023 (46.16 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **-303.8** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **126.6** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **124.8** tỷ đồng.